

PHẦN 1: CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM (7 ĐIỂM)

Câu 1: Hệ quản trị CSDL là:

- A. Phần mềm dùng để lưu trữ một CSDL
- B. Phần mềm dùng tạo lập, cập nhật, lưu trữ và khai thác thông tin của CSDL
- C. Phần mềm để xử lý các đối tượng trong CSDL
- D. Phần mềm dùng tạo lập CSDL

Câu 2: Trong Access, dữ liệu kiểu số được khai báo cho trường nào?

- A. Họ và tên
- B. Ngày sinh
- C. Điểm toán
- D. Quê quán

Câu 3. Khóa ngoài của một bảng là gì?

- A. Một trường của bảng này và đồng thời là khóa của một bảng khác
- B. Là trường khóa chính của bảng đó
- C. Một bản ghi bất kỳ.
- D. Là một trường bất kỳ

Câu 4: Khi liên kết bị sai, ta có thể sửa lại bằng cách chọn liên kết cần sửa, sau đó:

- A. Bấm chuột phải vào dây liên kết → chọn lại trường cần liên kết
- B. Tools → RelationShip → Change Field
- C. Database Tool → RelationShip → Add Tables
- D. Chọn Edit RelationShip

Câu 5: Nguyên nhân nào sau đây không phải nguyên nhân gây phá vỡ sự an toàn của CSDL:

- A. B. Sử dụng hệ CSDL một cách bất hợp pháp, đánh cắp dữ liệu.
- B. Sự cố về lỗi phần cứng
- C. Bảo vệ dữ liệu
- D. Cháy nổ

Câu 6: Phần đuôi tệp của tệp CSDL Access là gì?

- A. .pst
- B. .one
- C. .accdb
- D. .xlsx

Câu 7: CSDL phân tán phù hợp với bài toán quản lý nào dưới đây?

- A. Quản lý CSDL của một công ty may
- B. Quản lý CSDL của Facebook
- C. Quản lý CSDL bán vé máy bay
- D. Quản lý CSDL quản lý nhân sự

Câu 8: Cho cấu trúc 1 câu truy vấn như sau:

SELECT [Họ và tên], [Ngày sinh], [Vấn]
FROM [HỌC SINH]
WHERE

Em hãy hoàn thiện cấu trúc truy vấn trên bằng cách điền vào chỗ trống (...), để đưa ra danh sách gồm: Họ tên, ngày sinh, điểm môn Văn của những học sinh có điểm môn Văn từ 8.5 trở xuống từ bảng dữ liệu HỌC SINH:

- A. [Văn] >= 8.5
- B. [Văn] = 8.5
- C. [Văn] <= 8.5
- D. [Văn] > 8.5

Câu 9: Trong mẫu câu truy vấn của SQL, em hãy cho biết mệnh đề FROM dùng để làm gì?

- A. Cập nhật thông tin muốn hiển thị
- B. Xác định dữ liệu được lấy từ đâu
- C. Xác định điều kiện lọc dữ liệu
- D. Xóa dữ liệu không cần thiết

Câu 10: Điểm khác biệt chính giữa cơ sở dữ liệu tập trung và phân tán là gì?

- A. Độ phức tạp về mặt cấu trúc dữ liệu
- B. Cách truy cập và lưu trữ dữ liệu
- C. Không có điểm khác biệt
- D. Số lượng máy chủ lưu trữ dữ liệu

Câu 11: Để tạo biểu mẫu ta chọn đối tượng nào trên bảng chọn đối tượng?

- A. Query
- B. Report
- C. Forms
- D. Table

Câu 12: Chế độ nào cho phép thực hiện cập nhật dữ liệu trên bảng một cách đơn giản?

- A. Chế độ hiển thị trang dữ liệu
- B. Chế độ mẫu hỏi
- C. Chế độ thuật sĩ
- D. Chế độ biểu mẫu

Câu 13: Giả sử một bảng có 2 trường CCCD (căn cước công dân) và DIA CHI (địa chỉ) thì nên chọn trường CCCD làm khoá chính hơn vì :

- A. Trường CCCD là kiểu số, trong khi đó trường DIA CHI không phải là kiểu số
- B. Trường CCCD đứng trước trường DIA CHI
- C. Trường CCCD là duy nhất, trong khi đó trường DIA CHI không phải là duy nhất
- D. Trường CCCD là trường ngắn hơn

Câu 14: Ngôn ngữ CSDL được sử dụng phổ biến hiện nay là:

- A. HTML
- B. Access
- C. SQL
- D. Python

Câu 15: Trong khi nhập dữ liệu cho bảng, muốn xóa một bản ghi đã được chọn, ta bấm phím:

- A. Shift
- B. Delete
- C. Alt
- D. Ctrl

Câu 16: Trong mẫu câu truy vấn của SQL, em hãy cho biết mệnh đề WHERE dùng để làm gì?

- A. Xác định dữ liệu được lấy từ đâu
- B. Xóa dữ liệu trong bảng
- C. Xác định điều kiện lọc dữ liệu
- D. Cập nhật dữ liệu trong bảng

Câu 17: Người nào đã tạo ra các phần mềm ứng dụng đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin từ CSDL?

- A. Người lập trình ứng dụng
- B. Người máy
- C. Người QT CSDL
- D. Người sử dụng phần mềm

Câu 18: Điền từ thích hợp vào dấu ...

"... là biện pháp bảo mật dữ liệu trong CSDL, là lớp bảo vệ trong trường hợp các biện pháp kiểm soát truy cập đã bị vượt qua, là quá trình chuyển đổi dữ liệu sang một định dạng khác."

- A. Chữ kí số.
- B. Lưu mật khẩu.
- C. Mã hóa dữ liệu.
- D. Giải mã

Câu 19: Thành phần cơ sở của Access là:

- A. Reports
- B. Record
- C. Queries
- D. B. Table

Câu 20: Điều kiện cần để tạo được liên kết là:

- A. Phải có ít nhất hai bảng có chung một thuộc tính
- B. Phải có ít nhất một bảng và một mẫu hỏi có chung một thuộc tính
- C. Phải có ít nhất một bảng và một biểu mẫu có chung một thuộc tính
- D. Tổng số bảng và mẫu hỏi ít nhất là 2 và có chung một thuộc tính

Câu 21: Công việc thường gặp khi xử lý thông tin của một tổ chức là gì?

- A. Bổ sung hồ sơ
- B. Tạo lập, cập nhật, khai thác hồ sơ
- C. Tạo mới hồ sơ
- D. Xóa thông tin không cần thiết

Câu 22: Thông thường, khi muốn truy cập vào hệ CSDL, em cần cung cấp:

- A. Chữ kí.
- B. Họ tên người dùng.
- C. Tên tài khoản và mật khẩu.
- D. Hình ảnh.

Câu 23: Mục đích chính của biểu mẫu là gì?

- A. Hiện thị giao diện khó sử dụng
- B. Cho phép người dùng xem và cập nhật dữ liệu.
- C. Tạo ra các báo cáo và biểu đồ từ dữ liệu.
- D. Tạo liên kết giữa các bảng

Câu 24: CSDL tập trung là:

- A. CSDL lưu trữ trên 1 máy tính
- B. CSDL chỉ phù hợp quản lí các doanh nghiệp lớn
- C. CSDL được lưu trữ trên nhiều máy tính có kết nối mạng với nhau
- D. CSDL có tính sẵn sàng và tính tin cậy của dữ liệu cao hơn

Câu 25: Cơ sở dữ liệu phân tán có nhược điểm gì?

- A. Tính sẵn sàng và tính tin cậy của dữ liệu cao hơn
- B. Rủi ro mất dữ liệu do hỏng hóc phần cứng
- C. Chi phí cao, khó khăn đảm bảo tính nhất quán dữ liệu và tính an ninh

D. Chỉ phù hợp quản lí cửa hàng tạp hóa nhỏ

Câu 26: Đối với các hệ CSDL quan hệ, có mấy loại truy vấn dữ liệu?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

Câu 27: Trong Access, để tạo một bảng mới, em cần làm gì?

A. Chọn Database Tools -> Table Design

B. Chọn Home -> New Table

C. Chọn Create -> Table Design

D. Chọn Home -> New -> Table Design

Câu 28: Khi làm việc với cấu trúc bảng, để xác định kiểu dữ liệu của trường, ta xác định tên kiểu dữ liệu tại cột:

A. Field Size

B. Description

C. Data Type

D. Field Name

PHẦN 2: CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Cho bảng dữ liệu **HOCSINH12**, em hãy viết câu lệnh truy vấn SQL đưa ra danh sách các học sinh gồm các thông tin: **Mã số, Họ và tên, Ngày sinh, Quê quán, Điểm Toán**, trong đó điểm môn toán phải đạt từ 8.5 trở lên.

Câu 2: CSDL quản lí thư viện gồm có 3 bảng dưới đây:

Người đọc	Mượn – Tra	Sách
 Số thẻ TV	 STT	 Mã sách
Họ tên	Số thẻ TV	Tên sách
Ngày sinh	Mã sách	Số trang
Lớp	Ngày mượn	Tác giả
	Ngày trả	

a) Hãy xác định trường để tạo liên kết giữa các bảng (nếu có)?

b) Hãy chỉ ra khóa chính, khóa ngoài của các bảng trên?

Câu 3: Hãy nêu một số biện pháp bảo vệ an toàn của hệ CSDL và bảo mật thông tin trong CSDL?

PHẦN 1: CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM (7 ĐIỂM)

Câu 1: Hệ quản trị CSDL là:

- A. Phần mềm dùng để lưu trữ một CSDL
- B. Phần mềm để xử lý các đối tượng trong CSDL
- C. Phần mềm dùng tạo lập, cập nhật, lưu trữ và khai thác thông tin của CSDL
- D. Phần mềm dùng tạo lập CSDL

Câu 2: Trong Access, dữ liệu kiểu ngày tháng được khai báo bằng:

- A. Date/Month
- B. Date/Time
- C. Date/Year
- D. Date/Type

Câu 3: Khi liên kết bị sai, ta có thể sửa lại bằng cách chọn liên kết cần sửa, sau đó:

- A. Bấm chuột phải vào dây liên kết → chọn lại trường cần liên kết
- B. Tools → RelationShip → Change Field
- C. Database Tool → RelationShip → Add Tables
- D. Chọn Edit RelationShip

Câu 4: Nguyên nhân nào sau đây không phải nguyên nhân gây phá vỡ sự an toàn của CSDL:

- A. Bảo vệ dữ liệu
- B. Sử dụng hệ CSDL một cách bất hợp pháp, đánh cắp dữ liệu.
- C. Sự cố về lỗi phần cứng
- D. Cháy nổ

Câu 5: Phần đuôi tệp của tệp CSDL Access là gì?

- A. .pst
- B. .one
- C. .xlsx
- D. .accdb

Câu 6: CSDL tập trung phù hợp với bài toán quản lý nào dưới đây?

- A. Quản lý CSDL của một công ty
- B. Hệ thống tìm kiếm Google
- C. Hệ thống thư điện tử
- D. Quản lý sinh viên trường Đại học nhiều cơ sở

Câu 7: Cho cấu trúc 1 câu truy vấn như sau:

**SELECT [Họ và tên], [Ngày sinh], [Toán]
FROM [HỌC SINH]
WHERE**

Em hãy hoàn thiện cấu trúc truy vấn trên bằng cách điền vào chỗ trống (...), để đưa ra danh sách gồm họ tên, ngày sinh, điểm môn Toán của những học sinh có điểm môn Toán từ 9.0 trở lên từ bảng dữ liệu HỌC SINH:

- A. [Toán] <= 9.0
- B. [Toán] >= 9.0
- C. [Toán] = 9.0
- D. [Toán] > 9.0

Câu 8: Trong mẫu câu truy vấn của SQL, em hãy cho biết mệnh đề FROM dùng để làm gì?

- A. Cập nhật thông tin muốn hiển thị
- B. Xác định điều kiện lọc dữ liệu
- C. Xác định dữ liệu được lấy từ đâu
- D. Xóa dữ liệu không cần thiết

Câu 9: Điểm khác biệt chính giữa cơ sở dữ liệu tập trung và phân tán là gì?

- A. Độ phức tạp về mặt cấu trúc dữ liệu
- B. Cách truy cập và lưu trữ dữ liệu
- C. Không có điểm khác biệt
- D. Số lượng máy chủ lưu trữ dữ liệu

Câu 10: Để tạo biểu mẫu ta chọn đối tượng nào trên bảng chọn đối tượng?

- A. Forms
- B. Query
- C. Report
- D. Table

Câu 11: Giả sử một bảng có 2 trường CCCD (căn cước công dân) và DIA CHI (địa chỉ) thì nên chọn trường CCCD làm khoá chính hơn vì :

- A. Trường CCCD là kiểu số, trong khi đó trường DIA CHI không phải là kiểu số
- B. Trường CCCD đứng trước trường DIA CHI
- C. Trường CCCD là trường ngắn hơn
- D. Trường CCCD là duy nhất, trong khi đó trường DIA CHI không phải là duy nhất

Câu 12: Công việc thường gặp khi xử lý thông tin của một tổ chức là gì?

- A. Bổ sung hồ sơ
- B. Tạo mới hồ sơ
- C. Tạo lập, cập nhật, khai thác hồ sơ
- D. Xóa thông tin không cần thiết

Câu 13: Ngôn ngữ CSDL được sử dụng phổ biến hiện nay là:

- A. Python
- B. SQL
- C. JavaScript
- D. R

Câu 14: Người nào đã tạo ra các phần mềm ứng dụng đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin từ CSDL?

- A. Người lập trình ứng dụng
- B. Người máy
- C. Người QT CSDL
- D. Người sử dụng phần mềm

Câu 15: Trong khi nhập dữ liệu cho bảng, muốn xóa một bản ghi đã được chọn, ta bấm phím:

- A. Shift
- B. Delete
- C. Alt
- D. Ctrl

Câu 16: Chế độ nào cho phép thực hiện cập nhật dữ liệu trên bảng một cách đơn giản?

- A. Chế độ mẫu hỏi
- B. Chế độ thuật sĩ
- C. Chế độ hiển thị trang dữ liệu
- D. Chế độ biểu mẫu

Câu 17: Trong mẫu câu truy vấn của SQL, em hãy cho biết mệnh đề WHERE dùng để làm gì?

- A. Xác định dữ liệu được lấy từ đâu

- B. Xóa dữ liệu trong bảng
- C. Cập nhật dữ liệu trong bảng
- D. Xác định điều kiện lọc dữ liệu

Câu 18: Điền từ thích hợp vào dấu ...

"... là biện pháp bảo mật dữ liệu trong CSDL, là lớp bảo vệ trong trường hợp các biện pháp kiểm soát truy cập đã bị vượt qua, là quá trình chuyển đổi dữ liệu sang một định dạng khác."

- A. Mã hóa dữ liệu.
- B. Chữ kí số.
- C. Lưu mật khẩu.
- D. Giải mã

Câu 19: Thành phần cơ sở của Access là:

- A. Reports
- B. Table
- C. Record
- D. Queries

Câu 20: Điều kiện cần để tạo được liên kết là:

- A. Phải có ít nhất hai bảng có chung một thuộc tính
- B. Phải có ít nhất một bảng và một mẫu hỏi có chung một thuộc tính
- C. Phải có ít nhất một bảng và một biểu mẫu có chung một thuộc tính
- D. Tổng số bảng và mẫu hỏi ít nhất là 2 và có chung một thuộc tính

Câu 21: Chọn phát biểu sai. Bảo mật thông tin trong CSDL là:

- A. Bảo vệ dữ liệu bên trong CSDL.
- B. Đảm bảo tính bí mật của các thông tin cá nhân
- C. Chia sẻ thông tin bí mật của công ty cho người thân.
- D. Bảo vệ hệ quản trị CSDL.

Câu 22: Cơ sở dữ liệu phân tán có nhược điểm gì?

- A. Tính sẵn sàng và tính tin cậy của dữ liệu cao hơn
- B. Rủi ro mất dữ liệu do hỏng hóc phần cứng
- C. Chỉ phù hợp quản lí cửa hàng tạp hóa nhỏ
- D. Chi phí cao, khó khăn đảm bảo tính nhất quán dữ liệu và tính an ninh

Câu 23: Mục đích chính của biểu mẫu là gì?

- A. Cho phép người dùng xem và cập nhật dữ liệu.
- B. Hiện thị giao diện khó sử dụng
- C. Tạo ra các báo cáo và biểu đồ từ dữ liệu.
- D. Tạo liên kết giữa các bảng

Câu 24: CSDL tập trung là:

- A. CSDL chỉ phù hợp quản lí các doanh nghiệp lớn
- B. CSDL được lưu trữ trên nhiều máy tính có kết nối mạng với nhau
- C. CSDL có tính sẵn sàng và tính tin cậy của dữ liệu cao hơn
- D. CSDL lưu trữ trên 1 máy tính

Câu 25: Đối với các hệ CSDL quan hệ, có mấy loại truy vấn dữ liệu?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 26: Trong Access, để tạo một bảng mới, em cần làm gì?

- A. Chọn Database Tools -> Table Design
- B. Chọn Home -> New Table
- C. Chọn Home -> New -> Table Design

D. Chọn Create -> Table Design

Câu 27. Khóa ngoài của một bảng là gì?

- A. Một bản ghi bất kỳ.
- B. Một trường của bảng này và đồng thời là khóa của một bảng khác
- C. Là trường khóa chính của bảng đó
- D. Là một trường bất kỳ

Câu 28: Khi làm việc với cấu trúc bảng, để xác định kiểu dữ liệu của trường, ta xác định tên kiểu dữ liệu tại cột:

- A. Field Size
- B. Data Type
- C. Description
- D. Field Name

PHẦN 2: CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Cho bảng dữ liệu **HOADON**, em hãy viết câu lệnh truy vấn SQL đưa ra các thông tin: **Mã mặt hàng, Số lượng, Ngày giao hàng** của **Số hiệu đơn** là “S15”

Câu 2: CSDL quản lí thư viện gồm có 3 bảng dưới đây:

Người đọc	Mượn – Tra	Sách
 Số thẻ TV Họ tên Ngày sinh Lớp	 STT Số thẻ TV Mã sách Ngày mượn Ngày trả	 Mã sách Tên sách Số trang Tác giả

- a) Hãy xác định trường để tạo liên kết giữa các bảng (nếu có)?
- b) Hãy chỉ ra khóa chính, khóa ngoài của các bảng trên?

Câu 3: Hãy liên hệ với chính bản thân em về thực hiện bảo vệ an toàn và bảo mật thông tin cá nhân?

Câu 1: Trong Access, dữ liệu Date/time được khai báo cho trường nào?

- A. Họ và tên
- B. Ngày sinh
- C. Điểm toán
- D. Quê quán

Câu 2. Khóa ngoài của một bảng là gì?

- A. Một trường của bảng này và đồng thời là khóa của một bảng khác
- B. Là trường khóa chính của bảng đó
- C. Một bản ghi bất kỳ.
- D. Là một trường bất kỳ

Câu 3: Nguyên nhân nào sau đây không phải nguyên nhân gây phá vỡ sự an toàn của CSDL:

- A. B. Sử dụng hệ CSDL một cách bất hợp pháp, đánh cắp dữ liệu.
- B. Sự cố về lỗi phần cứng
- C. Bảo vệ dữ liệu
- D. Cháy nổ

Câu 4: Phần đuôi tệp của tệp CSDL Access là gì?

- A. .pst
- B. .one
- C. .accdb
- D. .xlsx

Câu 5: Cho cấu trúc 1 câu truy vấn như sau:

```
SELECT [Họ và tên], [Ngày sinh], [Văn]  
FROM [HỌC SINH]  
WHERE .....
```

Em hãy hoàn thiện cấu trúc truy vấn trên bằng cách điền vào chỗ trống (...), để đưa ra danh sách gồm: Họ tên, ngày sinh, điểm môn Văn của những học sinh có điểm môn Văn từ 9.0 trở lên từ bảng dữ liệu **HỌC SINH**:

- A. [Văn] > 9.0
- B. [Văn] = 9.0
- C. [Văn] <= 9.0
- D. [Văn] >=9.0

Câu 6: Khi làm việc với cấu trúc bảng, để xác định kiểu dữ liệu của trường, ta xác định tên kiểu dữ liệu tại cột:

- A. Field Size
- B. Description
- C. Data Type
- D. Field Name

Câu 7: Trong mẫu câu truy vấn của SQL, em hãy cho biết mệnh đề FROM dùng để làm gì?

- A. Cập nhật thông tin muốn hiển thị
- B. Xác định dữ liệu được lấy từ đâu
- C. Xác định điều kiện lọc dữ liệu

D. Xóa dữ liệu không cần thiết

Câu 8: Điểm khác biệt chính giữa cơ sở dữ liệu tập trung và phân tán là gì?

- A. Độ phức tạp về mặt cấu trúc dữ liệu
- B. Cách truy cập và lưu trữ dữ liệu
- C. Không có điểm khác biệt
- D. Số lượng máy chủ lưu trữ dữ liệu

Câu 9: Người nào đã tạo ra các phần mềm ứng dụng đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin từ CSDL?

- A. Người lập trình ứng dụng
- B. Người máy
- C. Người QT CSDL

D. Người sử dụng phần mềm

Câu 10: Để tạo biểu mẫu ta chọn đối tượng nào trên bảng chọn đối tượng?

- A. Query
- B. Report
- C. Forms
- D. Table

Câu 11: Điền từ thích hợp vào dấu ...

"... là biện pháp bảo mật dữ liệu trong CSDL, là lớp bảo vệ trong trường hợp các biện pháp kiểm soát truy cập đã bị vượt qua, là quá trình chuyển đổi dữ liệu sang một định dạng khác."

- A. Chữ kí số.
- B. Lưu mật khẩu.
- C. Mã hóa dữ liệu.
- D. Giải mã

Câu 12: Ngôn ngữ CSDL được sử dụng phổ biến hiện nay là:

- A. HTML
- B. Access
- C. SQL
- D. Python

Câu 13: Trong khi nhập dữ liệu cho bảng, muốn xóa một bản ghi đã được chọn, ta bấm phím:

- A. Shift
- B. Delete
- C. Alt
- D. Ctrl

Câu 14: Thành phần cơ sở của Access là:

- A. Reports
- B. Record
- C. Queries
- D. Table

Câu 15: Trong mẫu câu truy vấn của SQL, em hãy cho biết mệnh đề WHERE dùng để làm gì?

- A. Xác định dữ liệu được lấy từ đâu
- B. Xóa dữ liệu trong bảng
- C. Xác định điều kiện lọc dữ liệu
- D. Cập nhật dữ liệu trong bảng

Câu 16: Công việc thường gặp khi xử lý thông tin của một tổ chức là gì?

- A. Bổ sung hồ sơ
- B. Tạo lập, cập nhật, khai thác hồ sơ

- C. Tạo mới hồ sơ
- D. Xóa thông tin không cần thiết

Câu 17: Thông thường, khi muốn truy cập vào hệ CSDL, em cần cung cấp:

- A. Chữ kí.
- B. Họ tên người dùng.
- C. Tên tài khoản và mật khẩu.
- D. Hình ảnh.

Câu 18: CSDL tập trung là:

- A. CSDL lưu trữ trên 1 máy tính
- B. CSDL chỉ phù hợp quản lí các doanh nghiệp lớn
- C. CSDL được lưu trữ trên nhiều máy tính có kết nối mạng với nhau
- D. CSDL có tính sẵn sàng và tính tin cậy của dữ liệu cao hơn

Câu 19: Mục đích chính của biểu mẫu là gì?

- A. Hiện thị giao diện khó sử dụng
- B. Cho phép người dùng xem và cập nhật dữ liệu.
- C. Tạo ra các báo cáo và biểu đồ từ dữ liệu.
- D. Tạo liên kết giữa các bảng

Câu 20: Trong Access, để tạo một bảng mới, em cần làm gì?

- A. Chọn Database Tools -> Table Design
- B. Chọn Home -> New Table
- C. Chọn Create -> Table Design
- D. Chọn Home -> New -> Table Design

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA HK2 NĂM HỌC 2023 - 2024
Môn: TIN HỌC 11

ĐÁP ÁN ĐỀ 01

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (10 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Đáp án	B	C	A	D	C	C	B	C	B	D	C	A	C	C
Câu	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
Đáp án	B	C	A	C	B	A	B	C	B	A	C	A	C	C

*** Mỗi câu trắc nghiệm đúng được 0,25 điểm.**

II. PHẦN TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1 (1 điểm):

SELECT [Mã số],[Họ và tên], [Ngày sinh], [Quê quán], [Điểm Toán]
FROM [HOCSINH12]
WHERE [Điểm Toán]>=8.5

Câu 2 (1 điểm): CSDL quản lý thư viện gồm có 3: Người đọc,Muon-Tra, Sach

Câu hỏi	Đáp án	Thang điểm
a. Hãy xác định trường để tạo liên kết giữa các bảng (nếu có)?	- Bảng Người đọc liên kết với bảng Muon – Tra thông qua trường Số thẻ TV - Bảng Sach liên kết với bảng Muon – Tra thông qua trường Mã sách	0,25 đ 0,25 đ
b) Hãy chỉ ra khóa chính, khóa ngoài của các bảng trên?	- Khóa chính bảng Người đọc : Số thẻ TV , bảng Muon – Tra : STT , bảng Sach : Mã sách ; - Khóa ngoài bảng Muon – Tra : Số thẻ TV , Mã sách .	0,25đ 0,25đ

Câu 3 (1 điểm):

Câu hỏi	Đáp án	Thang điểm
Một số biện pháp bảo vệ an toàn của hệ CSDL và bảo mật thông tin trong CSD	- Xác thực người truy cập: Bằng cách sử dụng mật khẩu và phân quyền truy cập người dùng. - Sao lưu dự phòng và duy trì biên bản hệ thống: Thực hiện sao lưu dữ liệu định kỳ để đảm bảo dữ liệu không bị mất mát do lỗi hệ thống hay tấn công và có khả năng phục hồi. - Sử dụng tường lửa: Sử dụng tường lửa để ngăn chặn các truy cập trái phép từ bên ngoài vào hệ thống. - Mã hóa dữ liệu: Sử dụng các phương pháp mã hóa để bảo vệ dữ liệu nhạy cảm khi lưu trữ và truyền tải.	0,25 điểm cho mỗi ý

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA HK2 NĂM HỌC 2023 - 2024
Môn: TIN HỌC 11

ĐÁP ÁN ĐỀ 02

III. PHẦN TRẮC NGHIỆM (10 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Đáp án	C	B	D	A	D	A	B	C	D	A	D	C	B	A
Câu	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
Đáp án	B	C	D	A	B	A	C	D	A	D	A	D	B	B

*** Mỗi câu trắc nghiệm đúng được 0,25 điểm.**

IV. PHẦN TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1 (1 điểm):

SELECT [Mã mặt hàng],[Số lượng], [Ngày giao hàng]

FROM [HOADON]

WHERE [Số hiệu đơn] ="S15"

Câu 2 (1 điểm): CSDL quản lý thư viện gồm có 3: Người đọc,Muon-Tra, Sach

Câu hỏi	Đáp án	Thang điểm
b. Hãy xác định trường để tạo liên kết giữa các bảng (nếu có)?	- Bảng Người đọc liên kết với bảng Muon – Tra thông qua trường Số thẻ TV	0,25 đ
	- Bảng Sach liên kết với bảng Muon – Tra thông qua trường Mã sách	0,25 đ
b) Hãy chỉ ra khóa chính, khóa ngoài của các bảng trên?	- Khóa chính bảng Người đọc : Số thẻ TV, bảng Muon – Tra : STT, bảng Sach : Mã sách; - Khóa ngoài bảng Muon – Tra : Số thẻ TV, Mã sách.	0,25đ 0,25đ

Câu hỏi	Đáp án	Thang điểm
Liên hệ với chính bản thân em về thực hiện bảo vệ an toàn và bảo mật thông tin cá nhân	–Sử dụng mật khẩu mạnh và bảo mật: Mật khẩu phức tạp, Không chia sẻ mật khẩu, Quản lý mật khẩu an toàn. –Bảo mật thông tin trên mạng xã hội: Thiết lập quyền riêng tư, cẩn trọng khi chia sẻ thông tin; cảnh giác với các cuộc tấn công lừa đảo: Biết nhận diện email lừa đảo, không tải tệp tin không rõ nguồn gốc. –Sử dụng phần mềm bảo mật: Cài đặt phần mềm chống virus, bật tường lửa khi sử dụng thiết bị; Sao lưu dữ liệu: Sao lưu định kỳ, Kiểm tra sao lưu; –Bảo mật khi truy cập internet: Kết nối phải an toàn; Tránh sử dụng Wi-Fi công cộng.	0,25 điểm cho mỗi ý (giáo viên linh động trong quá trình chấm với đề mở)

ĐÁP ÁN ĐỀ 03 – HỌC SINH HÒA NHẬP

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Đáp án	B	A	C	C	D	C	B	D	A	C	C	C	B	D
Câu	15	16	17	18	19	20								
Đáp án	C	B	C	A	B	C								

*** Mỗi câu trắc nghiệm đúng được 0,5 điểm.**